

Số: 37/2011/QĐ-UBND

An Giang, ngày 05 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển cho cấp huyện từ nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2012 – 2015 và quy định hỗ trợ có mục tiêu từ vốn đầu tư do tỉnh quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 – 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển cho cấp huyện từ nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2012 - 2015 và quy định hỗ trợ có mục tiêu từ vốn đầu tư do tỉnh quản lý;

Xét Tờ trình của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư số 695/TTr-KHĐT-ĐTXD ngày 04 tháng 8 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này nội dung các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển cho cấp huyện từ nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2012 - 2015 và quy định hỗ trợ có mục tiêu từ vốn đầu tư do tỉnh quản lý.

Điều 2. Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách quy định tại Điều 1 của Quyết định này là cơ sở để xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Giám đốc Sở Tài chính triển khai Quyết định này đến Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để áp dụng vào việc xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng giai đoạn năm 2012 - 2015;

Điều 3. Đối với các công trình được hỗ trợ 100% chi phí xây dựng từ vốn đầu tư do tỉnh quản lý và thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư (phê duyệt Báo

cáo Kinh tế kỹ thuật) của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, trước khi phê duyệt phải có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy mô và tổng mức đầu tư của công trình.

Điều 4. Đối với các công trình đang được hỗ trợ có mục tiêu theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Đối với các công trình đang thi công dở dang, vốn đầu tư do ngân sách tỉnh quản lý sẽ bố trí tiếp đủ số vốn hỗ trợ để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành;

- Đối với các công trình đã có kết quả đấu thầu, chỉ định thầu trước ngày quy định này có hiệu lực thi hành, vẫn thực hiện theo cơ chế hỗ trợ của Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và áp dụng từ năm 2012 đến năm 2015.

Quyết định này thay thế Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển cho cấp huyện bằng nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2009 – 2010 và quy định hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ, Website An Giang;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Phân xã AG;
- Trung tâm Công báo Tin học;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP và các phòng: XDCB, TH, KT, VHXH;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Huỳnh Thế Năng

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển cho cấp huyện từ nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2012 – 2015 và quy định hỗ trợ có mục tiêu từ vốn đầu tư do tỉnh quản lý
(Kèm theo Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. TIÊU CHÍ TÍNH ĐIỂM PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN NĂM 2012 - 2015:

1. Nguyên tắc chung:

a) Thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước theo các tiêu chí và định mức vốn đầu tư phát triển là cơ sở để bố trí, hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) trong giai đoạn năm 2012 - 2015;

b) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế của cả tỉnh với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh;

c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

2. Phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn tập trung trong nước:

Do trong kế hoạch năm 2012-2015 Tỉnh cần tập trung nguồn vốn ngân sách địa phương để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên cho đầu tư cho các tuyến đường tỉnh nên vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn tập trung trong nước được phân chia: cấp tỉnh 60% và cấp huyện 40%.

Nguồn này được phân bổ theo thứ tự ưu tiên như sau :

a) Cấp tỉnh: phân bổ 60% để đầu tư các công trình do tỉnh quản lý, gồm những mục tiêu sau:

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư;

- Bố trí vốn đối ứng các dự án ODA, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu;

- Bố trí các công trình chuyển tiếp (kể cả thanh toán khối lượng hoàn thành năm trước chưa có nguồn thanh toán còn tồn chuyển sang);

- Hỗ trợ đầu tư theo chính sách của tỉnh;
- Bố trí các công trình khởi công mới có đầy đủ thủ tục theo quy định.

b) Cấp huyện: phân bổ 40% để đầu tư các công trình do cấp huyện quản lý cho các mục tiêu sau:

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư;
- Trả nợ vay và nợ kiên cố hoá kênh mương, giao thông nông thôn, hạ tầng thủy sản và làng nghề do huyện vay (nếu có);
- Đối ứng các dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt, đối với các dự án này, nếu huyện không bố trí đầy đủ theo quy định, ngân sách tỉnh sẽ không giải ngân số vốn đầu tư đã bố trí hỗ trợ cho cấp huyện;
- Bố trí các công trình chuyển tiếp (kể cả thanh toán khối lượng hoàn thành năm trước chưa có nguồn thanh toán còn tồn chuyển sang);
- Bố trí các công trình khởi công mới có đầy đủ thủ tục theo quy định.

3. Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển:

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn đầu tư phát triển cho cấp huyện theo 5 nhóm tiêu chí chủ yếu với 15 tiêu chí cụ thể như sau:

a) Tiêu chí dân số:

- Số dân trung bình;
- Số dân tộc thiểu số;
- Số dân thuộc khu vực biên giới.

b) Tiêu chí trình độ phát triển:

- Tỷ lệ hộ nghèo;
- Thu ngân sách (không bao gồm khoản thu sử dụng đất);
- Tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh.

c) Tiêu chí diện tích đất và biên giới:

- Diện tích đất tự nhiên;
- Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên;
- Chiều dài đường biên giới quốc gia.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

- Số đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;
- Số đơn vị hành chính cấp xã khó khăn;
- Số đơn vị hành chính cấp xã có biên giới quốc gia.

đ) Tiêu chí thành phố, thị xã và đô thị được xếp loại:

- Tiêu chí thành phố, thị xã;
- Tiêu chí đô thị loại II, loại III, loại IV và loại V.

4. Phương pháp xác định điểm các tiêu chí nêu trên:

a) Tiêu chí dân số: căn cứ vào số dân cuối năm 2009 do Cục Thống kê công bố, cứ mỗi 10.000 dân của tiêu chí: số dân số trung bình, số người dân tộc thiểu số và số dân khu vực biên giới của mỗi huyện được tính 1 (một) điểm.

b) Tiêu chí trình độ phát triển:

- Tỷ lệ hộ nghèo: căn cứ số liệu công bố năm 2010 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội, mỗi huyện được tính điểm như sau:

+ Đến 1,50% được tính 3 (ba) điểm;

+ Từ trên 1,50%, cứ 1% được tính thêm 0,50 (nửa điểm) điểm.

- Số thu cân đối ngân sách nhà nước (thu nội địa) (không bao gồm khoản thu từ tiền sử dụng đất): căn cứ số thực thu ngân sách nhà nước năm 2009 do Sở Tài chính cung cấp tính điểm lũy kế tuần tự như sau :

+ Số thu ngân sách nhà nước đến 30 tỷ đồng, được tính 1 (một) điểm.

+ Số thu ngân sách nhà nước từ trên 30 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng được tính thêm 1,50 (một phẩy năm) điểm.

+ Số thu ngân sách nhà nước từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng được tính thêm 2,00 (hai) điểm.

+ Số thu ngân sách nhà nước từ trên 100 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng được tính thêm 2,50 (hai phẩy năm) điểm.

- Tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh: căn cứ tỉ lệ điều tiết năm 2009 do Sở Tài chính cung cấp, cứ điều tiết về ngân sách tỉnh 1% được tính 3 (ba) điểm.

c) Tiêu chí diện tích đất và biên giới:

- Diện tích tự nhiên: căn cứ số liệu năm 2010 do Cục Thống kê cung cấp, tính điểm theo diện tích của mỗi địa phương cấp huyện như sau:

- + Đến 100 km² đầu tiên được tính 10 (mười) điểm.
- + Từ trên 100 đến 200 km², cứ 100 km² được tính thêm 6 (sáu) điểm.
- + Từ trên 200 đến 400 km², cứ 100 km² được tính thêm 4 (bốn) điểm.
- + Từ 400 km² trở lên, cứ 100 km² được tính thêm 2 (hai) điểm.

- Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên: căn cứ số liệu do Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn cung cấp năm 2010, tính điểm như sau :

- + Đến 50% được tính 10 (mười) điểm.
- + Từ trên 50%, cứ 1% được tính thêm 0,50 (nửa) điểm.

- Chiều dài đường biên giới quốc gia : căn cứ số liệu do Sở Ngoại vụ cung cấp năm 2010, cứ 10 km chiều dài biên giới quốc gia được tính 1 (một) điểm.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn:

- Đơn vị hành chính cấp xã: căn cứ số liệu do Sở Nội vụ cung cấp năm 2010, mỗi xã được tính 1 (một) điểm;

- Đơn vị hành chính cấp xã khó khăn: căn cứ số liệu do Ban Dân tộc cung cấp năm 2010, mỗi xã được tính 0,50 (nửa) điểm;

d.3) Đơn vị hành chính cấp xã biên giới: căn cứ số liệu do Sở Ngoại vụ cung cấp năm 2010, mỗi xã được tính 0,50 (nửa) điểm;

đ) Tiêu chí thành phố, thị xã và đô thị được xếp loại: do thành phố, thị xã và các đô thị được xếp loại có nhu cầu vốn đầu tư khá lớn để phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng nên bổ sung số điểm như sau :

- Tiêu chí thành phố, thị xã:

- + Thành phố Long Xuyên: 50 (năm mươi) điểm.
- + Thị xã Châu Đốc: 40 (bốn mươi) điểm.
- + Thị xã Tân Châu: 30 (ba mươi) điểm.

- Tiêu chí đô thị được xếp loại:

- + Đô thị loại 2: mỗi đô thị được tính 30 (ba mươi) điểm;
- + Đô thị loại 3: mỗi đô thị được tính 20 (hai mươi) điểm;
- + Đô thị loại 4: mỗi đô thị được tính 10 (mười) điểm;
- + Đô thị loại 5: mỗi đô thị được tính 5 (năm) điểm;

5. Xác định vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của cấp huyện:

(Xem biểu chi tiết tính điểm của từng huyện, thị xã thành phố đính kèm)

Theo bảng tính trên, tổng số điểm của 11 huyện, thị xã, thành phố là 1.631,53 điểm; chia ra:

- Thành phố Long Xuyên:	482,95 điểm;
- Thị xã Châu Đốc:	140,77 điểm;
- Thị xã Tân Châu:	127,07 điểm;
- Huyện Châu Thành:	90,87 điểm;
- Huyện Châu Phú:	107,63 điểm;
- Huyện Phú Tân:	112,97 điểm;
- Huyện An Phú:	100,08 điểm.
- Huyện Chợ Mới:	123,08 điểm;
- Huyện Thoại Sơn:	121,32 điểm;
- Huyện Tri Tôn:	111,47 điểm;
- Huyện Tịnh Biên:	103,33 điểm;

Căn cứ tổng số điểm nêu trên và số điểm của từng địa phương để tính phân bổ vốn đầu tư phát triển theo công thức sau:

Vốn phân bổ cho 1 đơn vị địa phương được tính theo công thức:

$$V_n = (VDT/D) \times D_n$$

Trong đó:

- VDT là tổng vốn đầu tư phát triển từ nguồn tập trung trong nước giao cho cấp huyện hằng năm.

- D là tổng số điểm của 11 huyện, thị xã, thành phố.

- D_n là số điểm của một đơn vị huyện, thị xã, thành phố n.

- V_n là vốn đầu tư phát triển từ nguồn tập trung trong nước phân bổ cho 1 đơn vị huyện, thị xã, thành phố ứng với D_n

II. QUY ĐỊNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH:

1. Nguyên tắc chung:

a) Các dự án được hỗ trợ vốn đầu tư phải phù hợp quy hoạch xây dựng và quy hoạch phát triển ngành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và có đầy đủ hồ sơ thủ tục theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, trong đó quyết định đầu tư đã được phê duyệt không quá 1 (một) năm kể từ ngày ký;

b) Vốn hỗ trợ được bố trí cân đối trong kế hoạch đầu tư xây dựng hằng năm của tỉnh, việc giải ngân vốn đầu tư phải thông qua hệ thống Kho bạc nhà nước;

c) Những công trình có vốn đối ứng của cấp huyện, cấp huyện phải bố trí đủ trong kế hoạch vốn hằng năm và giải ngân trước, ngân sách tỉnh sẽ bố trí hỗ trợ thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành cho phần vốn còn lại của công trình;

d) Các công trình thuộc các Chương trình, Đề án, Dự án lớn đã được cấp thẩm quyền (Chính phủ, Bộ ngành Trung ương hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh) phê duyệt không thuộc đối tượng hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh theo quyết định này;

đ) Xử lý các công trình đang được hỗ trợ có mục tiêu theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Đối với các công trình đang thi công dở dang, vốn đầu tư do ngân sách tỉnh quản lý sẽ bố trí tiếp đủ số vốn hỗ trợ để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành;

- Đối với các công trình đã có kết quả đấu thầu, chỉ định thầu trước ngày quy định này có hiệu lực thi hành, vẫn thực hiện theo cơ chế hỗ trợ của Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quy định hỗ trợ:

a) Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Mỗi huyện, thị xã, thành phố được hỗ trợ vốn bồi thường giải tỏa mặt bằng 01 cụm với mức vốn tối đa không quá 10 (mười) tỷ đồng và phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Phù hợp quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp của tỉnh được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Có dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp với phương án tài chính khả thi được Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt;

- Có phương án bồi thường giải tỏa mặt bằng được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Bảo đảm có các doanh nghiệp đăng ký thuê ít nhất 2/3 diện tích đất công nghiệp của cụm công nghiệp.

b) Các công trình giao thông đường bộ:

- Các tuyến đường tỉnh (bao gồm cầu và đường): ngân sách tỉnh đầu tư 100% vốn;

- Các tuyến đường đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ:

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ phần nền và mặt đường theo từng dự án cụ thể từ vốn đầu tư do tỉnh quản lý và chủ động tranh thủ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ hỗ trợ;

+ Ngân sách cấp huyện cân đối phần bồi thường mặt bằng.

- Hệ thống đường huyện, đường xã: Theo quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh, hệ thống đường này do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, bảo trì, vì vậy hằng năm, ngoài phần ngân sách quản lý bảo trì thường xuyên hằng năm do ngân sách tỉnh (sự nghiệp giao thông) hỗ trợ, cấp huyện cần bố trí thêm phần ngân sách do địa phương quản lý và huy động sự đóng góp của cộng đồng, các tổ chức trong và ngoài nước để tổ chức thực hiện (kể cả việc xây dựng mới các tuyến thuộc hệ thống đường này).

c) Các công trình thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo - dạy nghề:

- Vốn đầu tư do tỉnh quản lý sẽ cân đối phân bổ như sau:

+ Các trường: Đại học An Giang, Cao đẳng nghề, Trung cấp Nghề, Cao đẳng y tế;

+ Các trường Trung học phổ thông ;

+ Trung học cơ sở (trừ thành phố Long Xuyên, thị xã Châu Đốc và thị xã Tân Châu);

+ Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh - cấp huyện, Trung tâm dạy nghề cấp huyện;

+ Các Chương trình, đề án, dự án được Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt có quy định sử dụng vốn đầu tư xây dựng từ ngân sách tỉnh.

- Ngân sách huyện cân đối bố trí như sau:

+ Các trường Tiểu học (kể cả vốn đối ứng các chương trình, đề án, dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt);

+ Các trường Mầm non (mẫu giáo, nhà trẻ).

d) Các công trình y tế:

- Các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, Bệnh viện đa khoa tuyến huyện sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, Tỉnh sẽ bố trí vốn đầu tư đối ứng phần còn lại;

- Các cơ sở y tế tuyến tỉnh (ngoài Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ), các Trung tâm y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện, Phòng Khám đa khoa khu vực và trạm y tế xã Tỉnh sẽ cân đối từ vốn đầu tư xây dựng do tỉnh quản lý;

đ) Các công trình văn hoá - thể thao và xã hội:

- Công trình Văn hóa - Thể thao cấp huyện: nhà tập luyện thể thao và bể bơi: vốn đầu tư do tỉnh quản lý hỗ trợ 70% phần vốn xây dựng (kể cả san lấp mặt bằng) để xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp đạt chuẩn theo quy định của ngành, các phần vốn còn lại như: 30% vốn xây dựng, 100% vốn: trang thiết bị làm việc, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác, ... và bồi hoàn mặt bằng (nếu có) do ngân sách cấp huyện cân đối.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: hội trường và một trong các công trình sân tập thể thao, nhà luyện tập thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi: vốn đầu tư do tỉnh quản lý hỗ trợ 70% phần vốn xây dựng (kể cả san lấp mặt bằng) để xây dựng mới đạt chuẩn theo quy định của ngành, các phần vốn còn lại như: 30% vốn xây dựng, 100% vốn: trang thiết bị làm việc, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác, ... và bồi hoàn mặt bằng (nếu có) do ngân sách cấp huyện cân đối.

- Các công trình văn hóa - thể thao còn lại do cấp huyện quản lý được đầu tư từ ngân sách cấp huyện.

- Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi: Tỉnh sẽ cân đối từ vốn đầu tư xây dựng do tỉnh quản lý.

- Nhà bia liệt sĩ các xã Anh hùng: vốn đầu tư do tỉnh quản lý hỗ trợ 70% phần vốn xây dựng (kể cả san lấp mặt bằng) để xây dựng mới, các phần vốn còn lại như: 30% vốn xây dựng, 100% vốn: chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác, ... và bồi hoàn mặt bằng (nếu có) do ngân sách cấp huyện cân đối.

e) Trụ sở làm việc của Khối Đảng, Đoàn thể, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các phòng ban thuộc cấp huyện:

- Trụ sở làm việc của Khối Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện (trừ thành phố và thị xã cân đối từ ngân sách của thành phố, thị xã hằng năm) khi đầu tư xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo nâng cấp để có đủ diện tích làm việc theo quy định hiện hành, sẽ được Tỉnh hỗ trợ 70% phần vốn xây dựng (kể cả san lấp mặt bằng), các phần còn lại như: 30% vốn xây dựng, 100% vốn: trang thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác, ... và bồi hoàn mặt bằng (nếu có) do ngân sách huyện cân đối.

- Trụ sở làm việc của các Phòng ban, Đoàn thể thuộc các huyện (kể cả thành phố và thị xã): đầu tư xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo nâng cấp do ngân sách cấp huyện cân đối đầu tư.

g) Trụ sở làm việc của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thuộc các huyện:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% phần vốn xây dựng (kể cả san lấp mặt bằng) để xây dựng mới hoặc mở rộng trụ sở làm việc (trừ thành phố, thị xã cân đối từ ngân sách của thành phố, thị xã hằng năm) để có đủ diện tích làm việc theo quy định hiện hành, các phần vốn còn lại như: 30% vốn xây dựng, 100% vốn: trang thiết bị văn phòng, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác,... và bồi hoàn mặt bằng (nếu có) do ngân sách cấp huyện cân đối.

h) Trụ sở làm việc của công an, quân sự cấp xã, văn phòng khám, áp do ngân sách cấp huyện cân đối trong kế hoạch đầu tư xây dựng hằng năm.

k) Các hỗ trợ khác:

Đối với các quy định trên thuộc phạm vi cân đối của ngân sách cấp huyện nhưng có chủ trương hỗ trợ vốn đầu tư bằng văn bản của lãnh đạo Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh để đầu tư xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo nâng cấp dự án, công trình cụ thể nào đó sẽ thực hiện hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng theo văn bản chủ trương đó./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Huỳnh Thế Năng